

Bản án số: 122/2026/DS-PT

Ngày: 09 - 02 - 2026

V/v tranh chấp mở lối đi và quyền cấp,
thoát nước qua bất động sản liền kề, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Phùng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 01 và ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 632/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp mở lối đi và quyền cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 637/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1937; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn H: Ông Phan Văn L, sinh năm: 1976; CCCD: 095076012374; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nay là xã V, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Thanh L1, sinh năm: 1949; CCCD: 095049000143 và bà Dương Thị K, sinh năm: 1953; CCCD: 095153007076; cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Văn L, sinh năm: 1976; CCCD: 095076012374 và vợ là chị Mai Thị S, sinh năm: 1977; CMND: 385145069; cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Anh Bùi Minh T, sinh năm: 1967; CCCD: 095067003659 và vợ là chị Phan Thị C, sinh năm: 1977; cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau (anh T có mặt, chị C vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện P; địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện P là Ủy ban nhân dân xã V (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Thanh L1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày: Năm 1968 gia đình ông Phan Văn H tự khai phá khoảng 34.00m² đất nông nghiệp tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để lấy nước từ ngoài vào đất tưới tiêu và canh tác nông nghiệp, ông H cùng vài hộ dân lân cận khai phá, tạo con kênh thủy lợi (kênh nội đồng) ngang khoảng 09m, dài khoảng 20m (hiện đất đang tranh chấp). Năm 1968 con kênh nội đồng này là đất hoang chưa được nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ai nên ông H và các hộ dân khác đã khai phá nạo vét tạo thành kênh mương dẫn nước và đi lại vận chuyển nông sản. Quá trình sử dụng kênh vẫn thường hay nạo vét, cải tạo kênh. Con kênh này ông H và những hộ dân khác cùng tạo ra và cùng sử dụng chung liên tục từ năm 1968 đến nay không ai ngăn cản, tranh chấp kể cả chính quyền ở địa phương.

Đến ngày 10/02/2022 ông Võ Thanh L1 và vợ là bà Dương Thị Kim tự Ý đắp đập bao chiếm 01 đoạn kênh ngang khoảng 09m, dài khoảng 13m, tại vị trí giáp đất ông L1 và ngăn không cho ông H sử dụng con kênh này. Ông H yêu cầu ông L1, bà K tháo dỡ đập trả lại phần kênh để ông H và các hộ dân lân cận tiếp tục sử dụng nhưng ông L1, bà K không đồng ý, vì cho rằng con kênh thuộc quyền sử dụng đất của ông L1. Ông H có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, Ủy ban nhân dân xã P tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Ông H yêu cầu ông L1, bà K chấm dứt hành vi cản trở, trả lại lối đi cũ cho gia đình ông theo đo đạc thực tế là 219m². Trong phần này, có phần diện tích 23.7m² là đất của nhà nước nên xin rút yêu cầu; phần còn lại diện tích 195,3m² ông H sử dụng vào mục đích cấp, thoát nước, đi lại vận chuyển nông thủy sản, đưa các phương tiện cơ giới vào cải tạo đất phục vụ sản xuất nuôi trồng thủy sản. Yêu cầu tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L1, bà K theo đo đạc thực tế là 195,3m².

Bị đơn ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị K trình bày: Ông Võ Thanh L1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Vì nguồn gốc đất tranh chấp do ông tự khai phá năm 1982 - 1983, có lên líp trồng khóm, tràm, trúc, đến năm 1996 được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Minh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp là con mương ngang 09m, dài khoảng 20m ông L1 sử dụng để vận chuyển cây trồng khi thu hoạch. Năm 2000 ông H sang phần đất của ông L2, nên đi nhờ qua mương đất của để vào đất ông H. Đến ngày 09/02/2022 ông L1 thuê xáng cuốc làm bờ vuông lần bờ ra phần con mương ngang khoảng 04m, phần còn lại phần còn lại vẫn để cho ông H sử dụng phục vụ bơm nước ra

vào vuông tôm. Khi ông L1 cặm cấy để xáng cuốc đất lấp mương, phía gia đình ông H ngăn cản, đe dọa và phát sinh tranh chấp. Phần đất tranh chấp hiện do ông L1 và vợ trực tiếp sử dụng và đất gia đình không có thể chấp vay ngân hàng. Ông L1 xác định phần đất tranh chấp là con mương do ông đào nhiều lần, không phải kênh thủy lợi, đất thuộc quyền sử dụng của ông, chỉ cho ông H sử dụng đi nhờ. Ông L1 không đồng ý trả lại hiện trạng đường nước cho ông H sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn L và vợ Mai Thị S trình bày: Phần đất tranh chấp được gọi là con kênh nội đồng, ông Phan Văn H sử dụng từ lâu đời để vận chuyển nông sản và làm đường cung cấp nước tưới tiêu không có ai ngăn cản hay có ý kiến tranh chấp. Nay vợ chồng thống nhất với yêu cầu của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Minh T và vợ Phan Thị C trình bày: Phần đất tranh chấp anh, chị sử dụng để dẫn nước tưới tiêu từ rất lâu, không có ai tranh chấp. Nay anh, chị thống nhất với yêu cầu của ông H, không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau quyết định (tóm tắt):

Áp dụng Điều 171 Luật đất đai năm 2013; các điều 252, 254 Bộ luật Dân sự;

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H đối với diện tích đất 23,7m².
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H đối với ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị Kim .

Buộc ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị Kim chấm D hành vi cản trở; Ông Phan Văn H được tiếp tục sử dụng đường nước diện tích 195,3m². Trong đó, có diện tích 1,7m², thuộc một phần thửa số 390 và diện tích 193,6m², thuộc một phần thửa số 621, cùng tờ bản đồ số 11; đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau, có vị trí, tứ cạnh như sau:

- Thửa số 390, có vị trí: Hướng Đ có cạnh 2,30m; Hướng T1 có cạnh 2,0m; Hướng N có cạnh 0,08m; Hướng B có cạnh 2,30m;

- Thửa số 621, có vị trí như sau: Hướng Đông có cạnh 21,0m; Hướng T1 có cạnh 26,3m; Hướng N có cạnh 7,40m; Hướng Bắc có cạnh 9,0m;

Buộc ông Phan Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Võ Thanh L1 và bà Dương Thị K tổng số tiền là 16.727.083 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H1 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 195,3m² (trong đó, có diện tích 1,7m², thuộc một phần thửa số 390 và diện tích 193,6m², thuộc một phần thửa số 621, cùng tờ bản đồ số 11); đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, ông Võ Thanh L1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 30/10/2025, ông L1 có đơn kháng cáo bổ sung (dấu công văn đến ngày 08/12/2025) thể hiện: Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng: Thụ lý tranh chấp quyền sử

dụng đất, xét xử tranh chấp mở lối đi, quyền cấp thoát nước qua bất động sản liền kề. Không đưa Võ Thị Đ con gái ông L1 người có sử dụng chung đường nước vào tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện, án tuyên diện tích không đúng thực tế, vì đường nước 09m là không đúng, thường thì 01m. Thẩm phán không vô tư: Do thụ lý sai nên hoãn phiên tòa không có lý do chính đáng để có thời gian sửa lại một số thủ tục cho phù hợp với bản án tuyên. Trong ngày xét xử, trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán nhiều lần mời nguyên đơn vào phòng trao đổi thân mật. Yêu cầu đo đạc lại diện tích tranh chấp để xác định yêu cầu của nguyên đơn và quy định của pháp luật về sự cần thiết mở lối đi và quyền cấp thoát nước qua bất động sản liền kề. Hủy án sơ thẩm giải quyết lại đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần khởi kiện, yêu cầu được mở đường nước và lối đi có chiều ngang cạnh giáp kênh Ba Đạo bằng cạnh giáp đất ông H có độ dài là 06m.

Bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận mở đường nước và lối đi cho phía nguyên đơn chiều ngang cạnh giáp kênh Ba Đạo bằng cạnh giáp đất ông H có độ dài là 02m.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định;

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Thanh L1; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau theo hướng chấp nhận mở đường nước và lối đi cho ông L1 chiều ngang cạnh giáp kênh Ba Đạo bằng 05m, cạnh giáp đất ông H có độ dài là 06m..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh L1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn H yêu cầu Tòa án xét xử buộc bị đơn trả lại phần đất, tranh chấp là con kênh nội đồng có sẵn từ lâu để sử dụng làm lối đi, đường cấp thoát nước; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn đứng tên, vì cho rằng đất tranh chấp là kênh nội đồng, do nguyên đơn cùng các hộ dân lân cận tự khai phá, quản lý, sử dụng từ nhiều năm qua. Bị đơn ông Võ Thanh L1 xác định đất tranh chấp là con kênh do ông đào, thuộc quyền sử dụng đất của ông đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy quyền sử dụng đất.

[2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc ngày 12/10/2023 và kết quả thẩm định ngày 23/01/2026; lời khai của các đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định đất tranh chấp là mương nước có vị trí hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị N, hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh L1, Hương Nam giáp Kênh Ba Đ1, H2 Bắc giáp đất ông Phan Văn H. Trong đó, thửa đất số 596 của ông Phan Văn H có vị trí liền kề bị bao bọc bởi thửa đất số 390 và 621 của vợ chồng ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị Kim . Trong điều kiện

tự nhiên hiện hữu, việc đi lại, cấp, thoát nước phục vụ nhu cầu sản xuất từ kênh B vào đất ông H buộc phải qua phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông L1. Thực tế từ trước đến nay ông H có sử dụng đất tranh chấp làm đường cấp, thoát nước, đi lại để phục vụ sản xuất nông nghiệp được các bên thừa nhận. Chỉ khi gia đình ông L1 cấm cọc dự định lấp mương lấn ra đường nước mới phát sinh mâu thuẫn tranh chấp, cản trở việc sử dụng đường nước và lối đi đối với ông H.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều xác định đúng thực tế là ngoài đường nước đang tranh chấp nêu trên ông H không có đường nước nào khác để dẫn nước, đi lại vào đất phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt. Ông H cho rằng đất tranh chấp là đường nước có sẵn từ trước, do ông quản lý, sử dụng yêu cầu ông L1 trả đất là chưa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ như lời khai, xác nhận của những người biết việc ... đường nước do ông L1 đào, ông L1 đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở để chấp nhận đất tranh chấp là của ông H. Ông L1 cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông nên ngăn cản không cho ông H sử dụng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và không phù hợp với thực tế sử dụng đất tại địa phương. Bởi lẽ, trong trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước, sử dụng lối đi buộc phải qua bất động sản liền kề thì chủ sử dụng đất bao quanh có nghĩa vụ dành đường cấp, thoát nước và lối đi thích hợp cho người có đất bị bao bọc phía bên trong.

[4] Cấp sơ thẩm đã xác định đất tranh chấp có diện tích 195,3m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị K là có căn cứ. Đồng thời buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở và cho ông Phan Văn H tiếp tục sử dụng phần diện tích này làm đường cấp, thoát nước và lối đi là áp dụng đúng quy định tại Điều 252 Bộ luật Dân sự, bảo đảm sự hài hòa giữa quyền sử dụng đất của bị đơn và quyền cấp, thoát nước, sử dụng lối đi chính đáng của nguyên đơn, cũng như không làm mất quyền sử dụng đất hợp pháp của bị đơn.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/01/2026, nguyên đơn thay đổi một phần khởi kiện, yêu cầu được mở đường nước và lối đi có cạnh giáp kênh Ba đạo dài 05m, cạnh giáp đất ông H dài 06m để đảm bảo phương tiện cơ giới lớn ra vào phục vụ cải tạo đất. Bị đơn ông L1 thống nhất chừa đường nước và lối đi cho phía nguyên đơn cạnh giáp kênh Ba Đạo dài 04m, cạnh giáp đất ông H dài 04m. Tại phiên tòa hôm nay, phía ông H yêu cầu mở đường nước và lối đi cạnh giáp kênh Ba Đạo bằng cạnh giáp đất ông H có độ dài là 06m, ông L1 thống nhất mở đường nước và lối đi có cạnh giáp kênh B bằng cạnh giáp đất ông H bằng 02m. Xét việc mở đường nước và lối đi là để phục vụ nhu cầu sản xuất, vừa đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn nhưng cũng không ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của bị đơn. Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn quyết định mở đường nước và lối đi cho ông H qua đất ông L1 với diện tích 195,3m² là lớn, chưa đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L1 sửa án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận cho ông Phan Văn H được sử dụng đường nước và lối đi qua đất ông L1 có độ dài cạnh giáp kênh B là 04m, cạnh dài giáp đất ông H

là 04m, cạnh giáp đất bà N 21m, cạnh giáp đất ông L1 23,8m (Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 29/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ2). Do điều chỉnh diện tích đường nước nên phải điều chỉnh lại số tiền ông H phải trả cho ông L1 là 6.158.101 đồng (đơn giá 111triệu đồng/1.296m² x diện tích 71,9m²).

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh L1, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau đối với diện tích mở đường nước và lối đi trên đất ông L1 cho ông H có quyền sử dụng.

[7] Về án phí: Ông L1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh L1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau.

2. Áp dụng Điều 171 Luật đất đai 2013; Điều 252; Điều 254 Bộ luật Dân sự;
2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H đối với diện tích 23,7m².

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H đối với ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị Kim .

Buộc ông Võ Thanh L1, bà Dương Thị Kim chấm D hành vi cản trở; Ông Phan Văn H được tiếp tục sử dụng đường nước diện tích 71,9m² thuộc thửa số 621, tờ bản đồ số 11; đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau, có vị trí, tứ cận:

Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị N cạnh dài 21m; Hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh L1 cạnh 23,8m; Hướng Nam giáp kênh B cạnh 04m; Hướng Bắc giáp đất ông Phan Văn H cạnh 04m (Kèm theo bản vẽ Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ2).

Buộc ông Phan Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Võ Thanh L1 và bà Dương Thị K tổng số tiền là 6.158.101 đồng (Sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn một trăm lẻ một đồng).

2.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 195,3m² (trong đó, có diện tích 1,7m², thuộc một phần thửa số 390 và diện tích 193,6m², thuộc một phần thửa số 621, cùng tờ bản đồ số 11); đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nay là xã V, tỉnh Cà Mau.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Áp dụng Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chi phí tố tụng: Ông Phan Văn H dự nộp 2.170.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng), đã chi hết nên không được hoàn lại.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh L1 được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9-Cà Mau;
- TAND khu vực 9-Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân